

Bản án số: 135/HNGĐ - ST

Ngày 30/8/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị Thu và anh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Lê Vinh Hương.
2. Ông Vi Văn Hậu.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham
gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ, tỉnh
Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:
88/2024/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về “ Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kèm Thị T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Ngô Xuân P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 19/6/2024, tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai,
Biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Kèm Thị
T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Xuân P đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng
03 năm 2012 tại UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân do hai bên hoàn
toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, lừa dối. Quá trình sống chung do
chồng tôi chỉ lo chơi bời, sa vào rượu chè rồi về nhà hành hạ đánh đập, không tu

chí làm ăn để nuôi dạy con cái nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hòa thuận được. Tôi và anh P đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Khi ly thân chúng tôi cũng đã cố gắng hòa giải để trở về đoàn tụ với nhau, tuy nhiên do mâu thuẫn quá trầm trọng nên chúng tôi không thể trở về hàn gắn được. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Ngô Xuân P.

Về con chung: Giữa chị Kèm Thị T và anh Ngô Xuân P có hai con chung là Ngô Quỳnh C, sinh ngày 19/3/2011 và Ngô Quỳnh N, sinh ngày 11/8/2013. Nếu ly hôn thì chị T xin nuôi hai con và tạm thời không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Kèm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua biên bản lấy lời khai anh Ngô Xuân P là bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Kèm Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 03 năm 2012 tại UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, lừa dối. Trong quá trình chung sống, do tính tình không hợp nhau, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, chị T đi làm ăn và không trở về nhà nữa. Anh và chị T đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Khi ly thân anh và chị T cũng đã cố gắng hòa giải để trở về đoàn tụ, hàn gắn với nhau. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn với chị Kèm Thị T.

Về con chung: Anh Ngô Xuân P nhất trí với ý kiến trình bày của chị Kèm Thị T là vợ chồng có hai con chung là Ngô Quỳnh C, sinh ngày 19/3/2011 và Ngô Quỳnh N, sinh ngày 11/8/2013. Ly hôn, anh P cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản: Anh Ngô Xuân P không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp phát biểu ý kiến:

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng vào Điều 51; khoản 1 điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử: Về hôn nhân: Cho chị Kèm Thị T được ly hôn anh Ngô Xuân P; Về con: Giao hai con chung là Ngô Quỳnh C, sinh ngày 19/3/2011 và Ngô Quỳnh N, sinh ngày 11/8/2013 cho chị Kèm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Ngô Xuân P. Về tài sản: Chị Kèm Thị T và anh Ngô Xuân P không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét thêm; Về án phí: Chị Kèm Thị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị **Kèm Thị T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Ngô Xuân P** và yêu cầu về giao nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn với anh **Ngô Xuân P** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn anh **Ngô Xuân P** trong quá trình giải quyết vụ án thì anh **Ngô Xuân P** có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, chị **Kèm Thị T** và anh **Ngô Xuân P** cũng xin vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Chị **Kèm Thị T** và anh **Ngô Xuân P** kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 03 năm 2012 tại **UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An**. Hôn nhân của chị **Kèm Thị T** và anh **Ngô Văn P1** đảm bảo về điều kiện kết hôn và đúng nghi thức theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị **Kèm Thị T** vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn, nhưng anh **Ngô Văn P1** không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần giải quyết cho chị **Kèm Thị T** được ly hôn anh **Ngô Xuân P**.

[5] Về con: Nếu ly hôn, chị **Kèm Thị T** và anh **Ngô Xuân P** có nguyện vọng nuôi hai con. Nếu được giao nuôi hai con chị **T** không yêu cầu anh **Ngô Xuân P** cấp dưỡng nuôi con, anh **Ngô Xuân P** yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi 2.000.000 đồng/tháng, thấy rằng: Căn cứ vào nguyện vọng của đương sự, xét hoàn cảnh, điều kiện để nuôi con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ nên cần giao con chung là **Ngô Quỳnh C**, sinh ngày 19/3/2011 và **Ngô Quỳnh N**, sinh ngày 11/8/2013 cho chị **Kèm Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 8 năm 2024 trở đi cho đến khi các con đủ 18 tuổi (trưởng thành) và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **Ngô Xuân P** là hợp lý.

[6] Về tài sản: Chị **Kèm Thị T** và anh **Ngô Xuân P** không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[7] Về án phí: Chị **Kèm Thị T** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Cho chị Kềm Thị T được ly hôn anh Ngô Xuân P

Về con: Buộc anh Ngô Xuân P giao hai con chung là Ngô Quỳnh C, sinh ngày 19/3/2011 và Ngô Quỳnh N, sinh ngày 11/8/2013 cho chị Kềm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 08 năm 2024 cho đến khi các con đủ 18 tuổi (trưởng thành). Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Ngô Văn P1. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Kềm Thị T phải chịu án phí DSST 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Kềm Thị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006182 ngày 05 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30 /08/ 2024. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND xã Đông Hợp; huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quán Vi Tuấn